



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ 6
CÁNH DIỀU

HÀ NỘI – 2021

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 (*PHẦN LỊCH SỬ*)
CÁNH DIỀU

HÀ NỘI – 2021

Biên soạn:

GS TS NGND ĐỖ THANH BÌNH

TS NGUYỄN VĂN NINH

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở

1.1. Đặc điểm môn học

Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở (THCS) là môn học có vai trò quan trọng đối với việc hình thành, phát triển cho học sinh (HS) các phẩm chất (PC) chủ yếu, các năng lực (NL) chung và NL khoa học với biểu hiện đặc thù là NL lịch sử, NL địa lí; tạo tiền đề để HS tiếp tục học lên Trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia đời sống lao động, trở thành những công dân có ích.

Lịch sử và Địa lí cấp THCS là môn học bắt buộc, được dạy học từ lớp 6 đến lớp 9. Môn học gồm các nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức ở mức độ đơn giản về kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,... Các mạch kiến thức lịch sử và địa lí được kết nối với nhau nhằm bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau. Ngoài ra, môn Lịch sử và Địa lí có thêm một số chủ đề mang tính tích hợp, như: bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam; đô thị – lịch sử và hiện tại; văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long;...

1.2. Mục tiêu Chương trình

Môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS các PC chủ yếu và NL chung.

Môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS hình thành, phát triển ở HS các NL lịch sử và NL địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí thế giới, quốc gia và địa phương; các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử, khoa học địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS các PC chủ yếu và NL chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn

hoá nhân loại, khơi dậy ở HS niềm đam mê khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào cuộc sống.

1.3. Yêu cầu cần đạt

1.3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS góp phần hình thành và phát triển ở HS các PC chủ yếu và NL chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

1.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS hình thành và phát triển ở HS các NL lịch sử và NL địa lí, cụ thể:

– *NL lịch sử* bao gồm:

- + Tìm hiểu lịch sử.
- + Nhận thức và tư duy lịch sử.
- + Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

– *NL địa lí* bao gồm:

- + Nhận thức khoa học địa lí.
- + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ của địa lí học, tổ chức học tập ở thực địa, khai thác internet phục vụ môn học.
- + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin, liên hệ thực tế; thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn.

Các thành phần NL lịch sử và NL địa lí được mô tả chi tiết, cụ thể trong Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2008.

2. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 – bộ sách Cánh Diều

2.1. Một số thông tin chung

– Sách giáo khoa **Lịch sử và Địa lí 6 – Cánh Diều** đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 718/QĐ-BGDĐT ngày 09/2/2021.

– *Mục đích biên soạn*: cung cấp một tài liệu học tập, công cụ học tập chính thức, toàn diện và hiệu quả cho HS, đồng thời là tài liệu cho giáo viên (GV) khai thác để tổ chức các hoạt động dạy học và vận dụng các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển PC và NL của HS.

– *Đối tượng sử dụng*: HS lớp 6, các GV dạy Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS, các cán bộ quản lí giáo dục, các phụ huynh HS.

– *Phạm vi sử dụng*: trong giờ học trên lớp và cả các hoạt động thực hành, vận dụng ngoài giờ lên lớp.

– *Tổng số trang*: 204 trang.

– *Khổ sách*: 19 x 26,5.

– *Nhà xuất bản Đại học Sư phạm*.

2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6

Sách có **Hướng dẫn sử dụng sách** giúp HS nắm được các kí hiệu sử dụng trong sách.

Sách có **Lời nói đầu**, hướng tới bạn đọc là các em HS.

Sách được cấu trúc thành các **chương, bài**. Mỗi chương tương ứng với một chủ đề lớn, phù hợp với các chủ đề đã được xác định trong nội dung Chương trình GDPT năm 2018. Mỗi chủ đề được cấu tạo gồm một số bài học, các bài được thiết kế linh động, có bài 1 tiết và một số bài thiết kế với thời lượng 2 – 3 tiết/bài. Phần Lịch sử có 7 chương, 19 bài; phần Địa lí có 7 chương, 26 bài.

Ngoài các chương, bài, cuốn sách còn có **Bảng giải thích thuật ngữ** và **Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài**.

Bảng giải thích thuật ngữ giúp HS giải thích các thuật ngữ và một số từ khoá quan trọng có trong sách.

Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài: Địa danh là một phần quan trọng trong kiến thức cơ bản của Lịch sử, Địa lí. Một vấn đề mà nội dung sách


đặt ra là HS phải đọc được các địa danh đó. Để giúp cho HS tiện tra cứu các tài liệu tham khảo khác, bảng tra cứu gồm các cột: tên phiên âm (như trong sách giáo khoa), tên tiếng Anh (như trong các từ điển địa danh, từ điển Wiki) và trang số địa danh xuất hiện.


2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6

Mỗi bài học đều có:

– **Tên bài** gồm số thứ tự và tên bài. Ví dụ: *Bài 2. Thời gian trong lịch sử; Bài 5. Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng và kích thước của Trái Đất.*

– **Yêu cầu cần đạt** viết dưới dạng “Học xong bài này, em sẽ...” bám sát với yêu cầu cần đạt của chương trình, theo quan điểm phát triển PC và NL của HS, thiết kế rõ nhìn, bố trí ngay dưới tên bài.


– **Mở đầu:** (kí hiệu ) , thiết kế chữ không chân. Phần này có ý nghĩa là để khởi động, được viết khá ngắn gọn, lời cuốn HS và cũng đa dạng tùy theo bài.

– **Kiến thức mới:** (kí hiệu ) , bao gồm **phần chính văn, nhiều kênh hình**, trình bày những nội dung cốt lõi của bài. Phần chữ được in bằng font Times New Roman, màu đen và các câu hỏi xác định kiến thức cơ bản của nội

dung bài học được kí hiệu bằng  Những **nội dung mở rộng** được đưa vào các ô, hộp, khung phù hợp, đó là:



+ Ô “Em có biết?” (kí hiệu ) , để mở rộng hiểu biết về một hiện tượng, đối tượng lịch sử hoặc địa lí nào đó được nói đến trong bài hoặc liên hệ thực tế.

+ Ô “Góc khám phá” (kí hiệu ) , khám phá tri thức liên quan đến nội dung của bài.

+ Ô “Góc mở rộng” (kí hiệu ), mở rộng kiến thức của bài học hoặc có thể là các địa chỉ web chính thức.

Phần Kiến thức mới có kênh hình đa dạng, phong phú bên cạnh kênh chữ, bao gồm bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh minh hoạ. Các hình đều được đánh số theo bài. Ví dụ, ở bài 5 sẽ có các hình 5.1, 5.2,...

– **Luyện tập và vận dụng** (kí hiệu ), trong đó được tách ra thành các

câu hỏi mức độ **Luyện tập** (kí hiệu ) và các câu hỏi mức độ **Vận dụng** (kí hiệu ): Phần này được đặt ở cuối bài.

3. Giới thiệu về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 (phần Lịch sử)

3.1. Những điểm mạnh của sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 (phần Lịch sử)

Thứ nhất: Nội dung và các hoạt động học tập trong tất cả các chương/bài của SGK Lịch sử và Địa lí 6 (phần Lịch sử) đều được biên soạn, xây dựng theo định hướng phát triển PC cho HS: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; NL chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các NL đặc thù: tái hiện lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Thứ hai: SGK Lịch sử và Địa lí 6 (phần Lịch sử) lựa chọn được những nội dung cơ bản, cốt lõi, đảm bảo tính hệ thống của kiến thức và kỹ năng. Nội dung các bài học vừa có độ mở, vừa được tích hợp với nhau tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; tạo bối cảnh để HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập.

2. Dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á

Cuối thế kỉ XIX, trên đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a), các nhà khảo cổ học đã phát hiện được một số mẫu xương hoá thạch của Người tối cổ có niên đại khoảng 2 triệu năm trước và đặt tên là “Người Gia-va”. Bên cạnh đó, ở nhiều nơi khác trong khu vực Đông Nam Á, nhiều di cốt hoá thạch, di chỉ đồ đá gắn với giai đoạn Người tối cổ cũng được tìm thấy.

Bảng các dấu tích Người tối cổ ở Đông Nam Á

Hiện vật	Nơi tìm thấy
1. Di cốt hoá thạch	Pôn-đa-ung (Mi-an-ma)
	Gia-va (In-đô-nê-xi-a)
	Sa-ra-oắc (Ma-lay-xi-a)
	Thăm Khuyên, Thăm Hai (Việt Nam)
2. Di chỉ đồ đá	A-ni-át (Mi-an-ma)
	Làng Sỏi-an (Căm-pu-chi-a)
	Kô-ta Tam-pan (Ma-lay-xi-a)
	An Khê, Núi Đọ, Xuân Lộc (Việt Nam)

? Hãy cho biết những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.



“Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa...” mẹ thường hay kể
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc ...”.

(Đất Nước, Nguyễn Khoa Điềm)



Hình 16.1. Tục ăn trầu của người Việt

Trước âm mưu đồng hoá của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời Bắc thuộc, người Việt đã đấu tranh bảo vệ và phát triển văn hoá dân tộc như thế nào?

*Tích hợp Lịch sử Đông Nam Á
với Lịch sử Việt Nam*

Tích hợp Lịch sử với Văn học

Nội dung các bài học được thể hiện qua các hoạt động khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng, đáp ứng quá trình nhận thức của HS, đồng thời tạo hứng thú và khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập. Sách thiết kế nhiều dạng câu hỏi trong từng bài học: câu hỏi khai thác tranh ảnh, tư liệu; câu hỏi tổng hợp; câu hỏi, bài tập thực hành; câu hỏi liên hệ vận dụng;... Các câu hỏi có tác dụng khơi gợi niềm ham thích tìm hiểu, khám phá lịch sử của HS.

2

3. Quan sát hình 1.12 dưới đây và cho biết:

- Đây là loại tư liệu lịch sử gì.
- 3 thông tin mà em tìm hiểu được.



Hình 1.12. Bia chủ quyền quần đảo Trường Sa tại đảo Nam Yết (Khánh Hoà, Việt Nam), được công nhận là Di tích lịch sử quốc gia vào năm 2014

4. Đọc đoạn trích dưới đây và viết lại những từ khoá thể hiện ý nghĩa của việc học lịch sử:

“Dân ta phải biết sử ta. Sử ta dạy cho ta những chuyện về vang của tổ tiên ta. Dân tộc ta là con Rồng cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh Bắc dẹp Nam, yên dân trị nước, tiếng để muôn đời”.

(Nền học sử ta, Hồ Chí Minh)

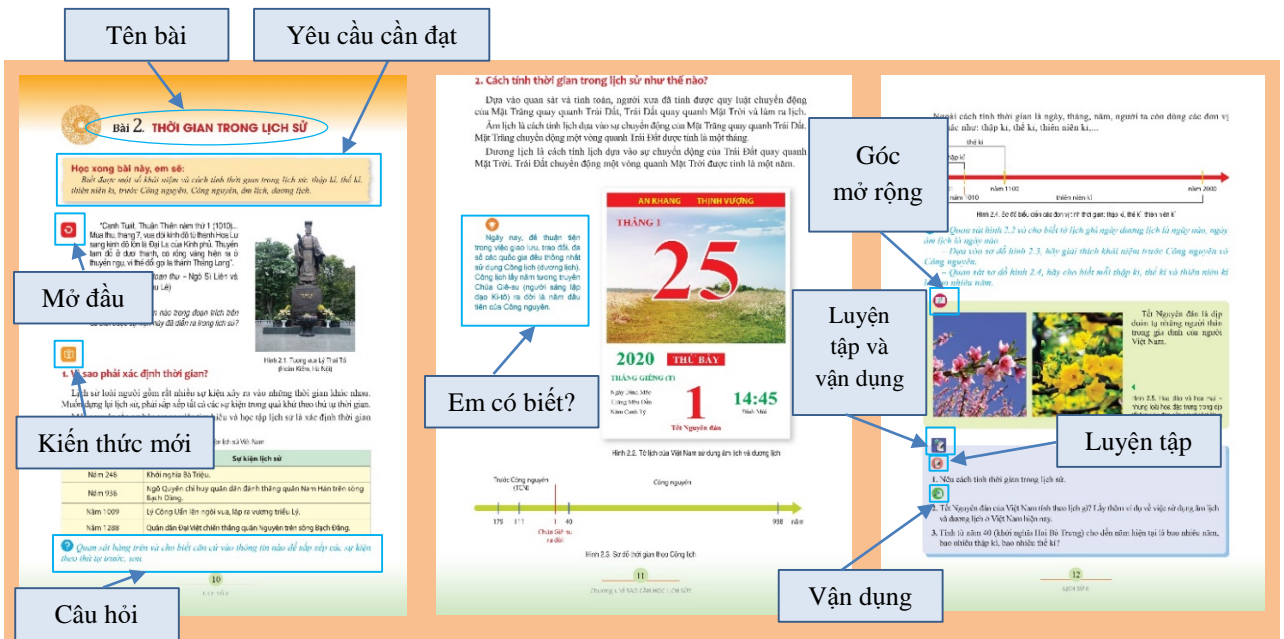
Các bài tập vận dụng vừa giúp HS hình thành NL tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, vừa liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn

Thứ ba: SGK Lịch sử và Địa lí 6 (phần Lịch sử) thể hiện đúng và đầy đủ các nội dung được quy định của môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS trong Chương trình GDPT năm 2018. Tất cả các mạch nội dung đều bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.


Thứ tư: Cấu trúc các tuyến kiến thức thể hiện rõ những nội dung cốt lõi mà HS cần học và các phần mở rộng, vận dụng.

Để tạo thuận lợi cho GV tổ chức hoạt động học tập, các bài học trong phần Lịch sử 6 được cấu trúc theo hai tuyến: tuyến chính và tuyến phụ. Tuyến chính là các nội dung cốt lõi, đảm bảo để HS đạt được các yêu cầu của từng nội dung giáo dục, được cấu trúc gồm: tên bài học, yêu cầu cần đạt, khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng. Tuyến phụ là ô “Em có biết?”, “Góc mở rộng” nhằm trang bị thêm cho HS nhiều nguồn học liệu liên quan đến bài học, mở rộng và nâng cao kiến thức.

CẤU TRÚC BÀI HỌC TRONG SGK



Thứ năm: Sự hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình. Kênh chữ ngắn gọn, súc tích; kênh hình phong phú, hấp dẫn, khoa học. Các kênh hình đều là nguồn kiến thức chứ không chỉ mang tính minh họa.




Hình 9.10. Nhà toán học Pi-ta-go (bản minh họa)

Hy Lạp được coi là quê hương của nhiều lĩnh vực khoa học, như thiên văn học, địa lí, toán học, vật lí, triết học... với nhiều tên tuổi nổi tiếng, như Ta-lét, Pi-ta-go, O-clit, Ae-si-mét, Stra-bôn, Hê-ra-clit....

Các nhà khoa học ở La Mã chủ yếu tiếp thu những thành tựu trước đó của người Hy Lạp. Những nhà khoa học nổi tiếng ở La Mã như Pô-lô-mê, Xi-xê-rô,...


Nhiều lễ hội được tổ chức trong năm. Trong những ngày lễ hội, mọi người thích hoá trang, vui chơi, nhảy múa, cả hát trong tiếng kèn, tiếng trống đồng náo nức. Các chàng trai đấu vật hoặc đua thuyền trên sông.



Hình 12.6. Hình người hoá trang nhảy múa (hoa văn trên trống đồng)


Tương truyền, thuở xa xưa con người làm lễ vùng sông nước kiếm ăn nên xăm hình lên người để không bị thủy quái làm hại và hoà nhập với động vật ở dưới nước. Từ đó mới sản bài được chùng.

(Từ điển Lễ tục Việt Nam, Bùi Thế Việt)



Hình 9.11. Tượng tạc sĩ ném đĩa

Người Hy Lạp và La Mã đã tạo nên rất nhiều công trình kiến trúc đồ sộ, nguy nga và các tác phẩm điêu khắc tuyệt mỹ.


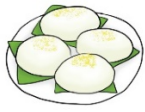


Hình 9.12. Đấu trường Cô-lô-sê (La Mã)

47

Chương 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI

Cư dân Văn Lang có tục gói bánh chưng, làm bánh giầy, ăn trâu, nhuộm răng đen, xăm mình,...

Hình 12.7. Bánh chưng, bánh giầy (tranh vẽ)

Ngoài tía ngưỡng thờ cúng tổ tiên, cư dân Văn Lang còn thờ các lực lượng tự nhiên, như núi, sông, Mặt Trời, Mặt Trăng, đất, nước,...

60

LỊCH SỬ 6

Sự hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình

3.2. Khung phân phối Chương trình môn Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử 6)

Nội dung chương trình	Nội dung SGK	Số tiết
TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?	Chương 1: VÌ SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?	3
– Lịch sử là gì? – Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?	Bài 1: Lịch sử là gì?	2
– Thời gian trong lịch sử	Bài 2: Thời gian trong lịch sử	1
THỜI NGUYÊN THỦY	Chương 2: THỜI NGUYÊN THỦY	6
– Nguồn gốc loài người	Bài 3: Nguồn gốc loài người	2

– Xã hội nguyên thủy	Bài 4: Xã hội nguyên thủy	2
– Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp – Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thủy	Bài 5: Chuyển biến về kinh tế, xã hội cuối thời nguyên thủy	2
XÃ HỘI CỔ ĐẠI	Chương 3: XÃ HỘI CỔ ĐẠI	10
– Ai Cập và Lưỡng Hà	Bài 6: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại	3
– Ấn Độ	Bài 7: Ấn Độ cổ đại	2
– Trung Quốc	Bài 8: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII	2
– Hy Lạp và La Mã	Bài 9: Hy Lạp và La Mã cổ đại	3
ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X	Chương 4: ĐÔNG NAM Á (TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X)	4
– Khái lược về khu vực Đông Nam Á – Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á	Bài 10: Sự ra đời của các vương quốc ở Đông Nam Á (từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X)	2
– Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X	Bài 11: Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á (từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X)	2
VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X		
– Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc	Chương 5: NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC	5

+ Nhà nước Văn Lang	Bài 12: Nước Văn Lang	3
+ Nhà nước Âu Lạc	Bài 13: Nước Âu Lạc	2
– Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc từ thế kỉ II trước Công nguyên đến năm 938	Chương 6: THỜI BẮC THUỘC VÀ CHỐNG BẮC THUỘC (TỪ THẾ KỈ II TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN NĂM 938)	12
+ Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc + Sự chuyển biến về kinh tế, văn hoá trong thời kì Bắc thuộc	Bài 14: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hoá của Việt Nam thời Bắc thuộc	3
+ Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc	Bài 15: Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập, tự chủ (từ đầu Công nguyên đến trước thế kỉ X)	5
	Bài 16: Cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc thời Bắc thuộc	2
+ Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X	Bài 17: Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X	2
– Vương quốc Chăm-pa – Vương quốc Phù Nam	Chương 7: VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA VÀ VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM	4
	Bài 18: Vương quốc Chăm-pa	2
	Bài 19: Vương quốc Phù Nam	2
Ôn tập, Kiểm tra, đánh giá		8
Tổng		52

3.3. Yêu cầu về phương pháp dạy học môn Lịch sử và Địa lí

3.3.1. Yêu cầu về phương pháp dạy học Lịch sử

a) Nội dung dạy học, giáo dục phải đảm bảo tính cơ bản, thiết thực, hiện đại

Nội dung dạy học bao gồm các nội dung chính, chủ yếu, tập trung vào các nội dung mang tính bản chất của sự vật, hiện tượng. Nội dung dạy học, giáo dục đảm bảo tính thiết thực phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi của thực tế. Ngoài ra, phải đảm bảo tính hiện đại, nội dung phải mới, tiên tiến, áp dụng được những thành tựu của khoa học, kỹ thuật trong các lĩnh vực của đời sống.

Dạy học phát triển PC, NL đặt ra yêu cầu cốt lõi là tập trung vào những gì HS cần có (kiến thức, kỹ năng, niềm tin,...) để từ đó HS có thể “làm” được những việc cụ thể, hữu ích hơn là tập trung vào những gì mà HS biết hoặc không biết. Vì vậy, các nội dung dạy học cần được chất lọc, lựa chọn sao cho thật gọn, đắt.

Nội dung kiến thức thiết thực, hiện đại cùng với phương pháp tư duy và học tập tích cực chính là nhằm tạo cơ hội giúp HS rèn luyện kỹ năng, từng bước hình thành, phát triển NL giải quyết các tình huống và vấn đề thực tiễn; từ đó có cơ hội hoà nhập, hội nhập quốc tế để cùng tồn tại, phát triển,... Đây cũng chính là ý nghĩa quan trọng, bởi nội dung dạy học mà HS được học sẽ vận dụng thích ứng với bối cảnh hiện đại và không ngừng đổi mới.

b) Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập

Tính tích cực của HS được biểu hiện thông qua sự hứng thú, tự giác học tập, niềm yêu thích tìm hiểu, sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập. Đây là một nguyên tắc quan trọng trong dạy học phát triển PC, NL.

NL chỉ hình thành khi kiến thức, kỹ năng được chuyển hoá thành hoạt động của một chủ thể nhất định. Do đó, trong dạy học, GV cần tổ chức các hoạt động học tập để HS tích cực, chủ động huy động kiến thức, kỹ năng hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc giải quyết những tình huống trong thực tiễn. Mỗi HS có NL khác nhau tùy vào các hoạt động học ở mức độ nào. Điều này phản ánh rằng cùng một môi trường học tập, những cá nhân khác nhau sẽ có NL khác nhau. Như vậy, trong dạy học, giáo dục phát triển PC, NL của HS, tính tích cực của HS là một trong những biểu hiện và cũng là kết quả cần đảm bảo khi tổ chức hoạt động học tập.

c) Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS

Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS chính là việc tổ chức thường xuyên, đầu tư hơn về chất lượng những hoạt động thực hành. Thực hành là hoạt động áp dụng lí thuyết vào thực tế để hình thành kĩ năng ở HS – thành phần quan trọng của NL. Thực hành là cơ sở để hình thành NL. Trải nghiệm là hoạt động tổ chức cho HS được quan sát, làm thử, giả định trong tư duy (dựa trên đặc trưng của thực nghiệm), sau đó, người học phân tích, suy ngẫm, chiêm nghiệm về việc quan sát và kết quả của nó.

Tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS là một nguyên tắc không thể thiếu của dạy học, giáo dục phát triển PC, NL đòi hỏi từng môn học, hoạt động giáo dục phải khai thác, thực hiện một cách cụ thể, có đầu tư.

d) Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp

Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp chính là việc tổ chức nhiều hơn về số lượng, đầu tư hơn về chất lượng những nhiệm vụ học tập đòi hỏi HS phải tìm hiểu, tổng hợp kiến thức, kĩ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết. Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp giúp người học phát triển được những NL cần thiết, nhất là NL giải quyết vấn đề dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm và khả năng ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, dạy học, giáo dục tích hợp còn kết nối, tạo ra mối quan hệ giữa các môn học với nhau và với thực tiễn, tránh trùng lặp về nội dung.

Thông qua dạy học tích hợp, HS được rèn luyện khả năng tìm hiểu và vận dụng những kiến thức từ nhiều lĩnh vực một cách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong bài học, chủ đề.

e) Tăng cường dạy học, giáo dục phân hoá

Tăng cường dạy học, giáo dục phân hoá chính là việc tổ chức thường xuyên và đầu tư hơn việc phân loại và chia tách các đối tượng HS, từ đó, vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức sao cho phù hợp với đối tượng ấy nhằm đạt hiệu quả cao. Dạy học, giáo dục phân hoá đòi hỏi chương trình dạy học phải xây dựng được các môn học, chủ đề khác nhau để HS tự chọn phù hợp với nguyện vọng của HS và khả năng tổ chức của nhà trường.

Dạy học, giáo dục phân hoá là quá trình dạy học nhằm đảm bảo cho mỗi HS phát triển tối đa NL, sở trường, phù hợp với các yếu tố cá nhân, trong đó HS được tạo điều kiện để lựa chọn nội dung, độ khó, hình thức, nhịp độ học tập phù hợp với bản thân.

g) Kiểm tra, đánh giá theo NL, PC là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển PC, NL

Kiểm tra, đánh giá theo NL chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống cụ thể. Đánh giá kết quả học tập đối với các môn học và hoạt động giáo dục ở mỗi lớp và sau cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của HS. Với sự thay đổi về mục tiêu của Chương trình GDPT năm 2018, rõ ràng kiểm tra, đánh giá theo NL là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển phẩm chất, NL. Bên cạnh mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình, cần chú trọng mục tiêu đánh giá sự tiến bộ của HS. Đây là cơ sở để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục. Vì vậy, GV cần đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học để xác định mức độ tiến bộ về NL của HS. Các thông tin về NL của HS được thu thập trong suốt quá trình học tập thông qua một loạt các phương pháp khác nhau: đặt câu hỏi; đối thoại trên lớp; phản hồi thường xuyên; tự đánh giá và đánh giá giữa các HS với nhau; giám sát sự phát triển qua sử dụng bảng danh sách các hành vi cụ thể của từng thành tố NL; đánh giá tình huống; đánh giá qua dự án, hồ sơ học tập,...

3.3.2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học tập của HS

a) GV cần tổ chức chuỗi hoạt động học để HS chủ động khám phá những điều chưa biết

Trong dạy học và giáo dục phát triển PC, NL, yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học để HS tích cực chủ động tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập, từ đó tìm hiểu các kiến thức, kĩ năng mới, vừa học hỏi được phương pháp để hình thành kiến thức, kĩ năng đó. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà, không gói gọn trong

phạm vi một tiết học. Đề hướng đến mục tiêu phát triển PC và NL đã đặt ra trong bài học, ở mỗi hoạt động học cần xác định rõ các yếu tố: mục tiêu hoạt động, nội dung hoạt động, sản phẩm học tập của HS, cách thức tiến hành, phương án kiểm tra đánh giá mức độ mà HS đạt được mục tiêu do GV đã đề ra. Trong quá trình tổ chức các hoạt động học, GV cần theo dõi, có những phương án hỗ trợ HS khi cần thiết.

Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng đã nêu rõ quá trình dạy học mỗi chuyên đề cần được thiết kế thành các hoạt động học của HS dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HS tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Phân tích hoạt động dạy học của GV cần tuân thủ quan điểm phân tích hiệu quả hoạt động học của HS, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho HS của GV. Chuỗi hoạt động được thể hiện như sau:


*** GV phải xác định được rõ các mục tiêu bài học**

Mục tiêu của bài học còn gọi là yêu cầu cần đạt của bài học, là kết quả mong đợi của bài học. HS phải đạt được những gì về kiến thức, kĩ năng, thái độ và năng lực có thể hình thành và phát triển cho HS sau mỗi bài học. Xác định yêu cầu cần đạt/ mục tiêu bài học chính là xác định “đầu ra” của quá trình dạy học. Mục tiêu của bài học chính là “kim chỉ nam” định hướng cho việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Từ những yêu cầu cần đạt này, GV có thể dễ dàng xác định xem bài học này góp phần phát triển cho HS những PC và NL nào.

Trong phần Lịch sử 6, yêu cầu cần đạt về nội dung giáo dục liên quan đến bài học đã được thể hiện ở phần đầu của mỗi bài học. Các yêu cầu này là các yêu cầu đã được quy định trong Chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí. Do vậy, GV có thể dựa vào đây để xác định mục tiêu của bài học, để định hướng các hoạt động cần tổ chức cho HS khi tìm hiểu về nội dung giáo dục đó.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu ở *Bài 1. Lịch sử là gì?*, GV cần tổ chức cho HS đạt được các yêu cầu cần đạt sau và đây cũng chính là mục tiêu của bài học.

Các yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục trong bài 1



Bài 1. LỊCH SỬ LÀ GÌ?

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.
- Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- Giải thích được vì sao cần phải học môn Lịch sử.
- Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (sử liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết...).

Việc đưa yêu cầu cần đạt vào trong các bài học Lịch sử 6 là một trong những điểm mới của SGK Lịch sử và Địa lí 6. Thông qua các yêu cầu này, GV có thể xác định được mục tiêu của bài học, đích cần đến của HS để từ đó tìm cách tổ chức hoạt động học tập cho HS phù hợp.

* **Hoạt động mở bài**

- **Mục đích:** Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong SGK, các tài liệu học tập; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bỏ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này.

- **Phương thức thực hiện:** Thông qua các câu hỏi/ tình huống có vấn đề để HS huy động kiến thức, kỹ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiến thức sẽ học trong chủ đề bài học (bản thảo, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời,...).

- **Sản phẩm:** Các câu hỏi nhận thức, dự đoán, giả sử/ giả thuyết liên quan đến chủ đề bài học mới, dự kiến kế hoạch học tập tiếp theo của HS. Các sản phẩm này chỉ được hình thành thông qua hoạt động học tập trên lớp của HS theo hướng dẫn của GV.

– Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:

+ Tình huống/ câu hỏi/ lệnh xuất phát nhằm huy động kiến thức/ kỹ năng/ kinh nghiệm sẵn có nào đó của HS (HS đã học kiến thức/ kỹ năng đó khi nào?).

+ Vận dụng kiến thức/ kỹ năng/ kinh nghiệm đã có đó thì HS có thể trả lời câu hỏi/ thực hiện lệnh đã nêu đến mức độ nào? Dự kiến các câu trả lời/ sản phẩm học tập mà HS có thể hoàn thành.

+ Để hoàn thiện câu trả lời/ sản phẩm học tập nói trên, HS cần vận dụng kiến thức/ kỹ năng mới nào sẽ học ở phần tiếp theo trong hoạt động hình thành kiến thức (có thể không phải là toàn bộ kiến thức/ kỹ năng mới trong bài).

Ví dụ: Đề tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung bài 1 “Lịch sử là gì?” Phần Lịch sử, GV có thể sử dụng một trong các cách sau để tạo ra tình huống xuất phát cho HS.

Phương án 1: GV có thể sử dụng phần mở bài trong SGK.

Phương án 2: GV có thể giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình, đặc biệt là trải qua các cấp học. Qua đó, HS biết được những nét chính về lịch sử của GV. Từ đó, GV vào bài mới và nêu nhiệm vụ học tập bài mới.

**** Hoạt động hình thành kiến thức mới***

– Mục đích: Hoạt động này giúp cho HS khám phá, hình thành kiến thức, phát triển kỹ năng mới theo yêu cầu cần đạt của bài. Trong dạy học Lịch sử 6 ở nhà trường THCS, hoạt động và các nhiệm vụ học tập của HS chủ yếu là các hoạt động tìm hiểu về Lịch sử thế giới, Lịch sử khu vực Đông Nam Á và Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỉ X.

– Phương thức thực hiện: GV xác định các hoạt động học tập cần tổ chức cho HS để đạt được mục tiêu/ yêu cầu cần đạt của bài học. Sau đó, GV vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học để tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức mới và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo địa lí.

– Sản phẩm học tập: Kiến thức cơ bản, cốt lõi về Lịch sử thế giới, Lịch sử khu vực Đông Nam Á và Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỉ X; các kỹ năng, kỹ xảo Lịch sử.

– Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:

+ Kiến thức, kỹ năng mới mà HS phải khám phá và chiếm lĩnh được của bài học là gì?

+ HS sẽ khám phá, chiếm lĩnh các kiến thức, kỹ năng đó bằng cách nào?

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về *Bài 1. Lịch sử là gì?*, GV có thể thiết kế các nhiệm vụ học tập cho HS như sau:

Yêu cầu cần đạt	Hoạt động hình thành kiến thức mới	Nhiệm vụ học tập của HS
Yêu cầu 1: Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử, hiểu được lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ.	Hoạt động 1: Tìm hiểu về lịch sử và môn Lịch sử là gì?	Đọc thông tin, quan sát hình 1.2 trong SGK và cho biết: Sự kiện khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) có phải là lịch sử không? Vì sao?
Yêu cầu 2: Giải thích được vì sao cần phải học môn Lịch sử.	Hoạt động 2: Tìm hiểu về Vì sao phải học Lịch sử?	Nhiệm vụ 1: Đọc thông tin, quan sát các hình từ 1.3 đến 1.6 trong SGK và cho biết kỹ thuật canh tác nông nghiệp của nông dân Việt Nam và hệ thống giao thông ở Hà Nội có sự thay đổi như thế nào? Chúng ta cần biết sự thay đổi đó không? Vì sao? Nhiệm vụ 2: Đọc thông tin, quan sát hình 1.7 trong SGK hãy cho biết sự kiện đó là bước ngoặt nào của lịch sử dân tộc? Qua đó lí giải vì sao chúng ta cần học lịch sử? Nhiệm vụ 3. Hãy cho biết lịch sử và môn Lịch sử là gì?

*** Hoạt động luyện tập, vận dụng**

– **Mục đích:** Hoạt động này nhằm giúp HS hệ thống kiến thức, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học, đồng thời, đánh giá xem HS có đạt được mục tiêu bài học hay không.

– **Phương thức thực hiện:** GV tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học. Ở hoạt động này, HS có thể hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

– **Sân phẩm:** Lời giải và kết quả giải các câu hỏi, bài tập/ tình huống.

– **Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:**

+ HS sẽ làm gì để vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

+ Xây dựng và sử dụng những câu hỏi và bài tập nào để tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết những nội dung liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

Lưu ý: trong hoạt động và vận dụng, GV tập trung giải quyết các câu hỏi, bài tập trong SGK. Tuy nhiên, GV cũng có thể mở rộng những câu hỏi, bài tập ngoài SGK cho phù hợp với đối tượng HS.

Ví dụ, hoạt động luyện tập và vận dụng *Bài 1. Lịch sử là gì?*.

Phương án 1: GV sử dụng các câu hỏi, bài tập trong SGK để tổ chức luyện tập, vận dụng cho HS.

Phương án 2: GV có thể mở rộng tình huống ngoài SGK như:

Nhiệm vụ 1: Một bộ phận giới trẻ hiện nay cho rằng: Học Lịch sử không có ý nghĩa gì với cuộc sống. Suy nghĩ của em về quan điểm trên.

Nhiệm vụ 2: HS nêu ý hiểu về câu nói của chính trị gia cổ đại Xi-xê-rông: “Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống”.

Nhiệm vụ 3: HS về nhà làm một tác phẩm gửi tương lai cho một người con/ cháu của mình với yêu cầu: tác phẩm thể hiện được sự thay đổi của bản thân qua thời gian, và trả lời được câu hỏi em đã dùng loại tư liệu nào để người đời sau biết về bản thân em.

b) GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, kiến thức dạy học và giáo dục phát triển PC, NL phù hợp

GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, kiến thức dạy học (KTDH) và giáo dục biểu hiện ở việc GV tập trung, bỏ nhiều sức lực, thời gian, suy nghĩ,... phù hợp nhằm đạt được mục tiêu dạy học một cách tối ưu.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải hiểu, vận dụng hệ thống các phương pháp, KTDH, đặc biệt là các phương pháp, KTDH có ưu thế trong việc phát huy PC, NL người học; có thể phân tích, so sánh được ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp để lựa chọn PPDH phù hợp với mục tiêu của từng hoạt động, tạo ra chuỗi hoạt động có sự phối hợp hiệu quả giữa các phương pháp.

c) GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, nghiên cứu

GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, hướng dẫn HS kiên trì luyện tập để hình thành phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, phù hợp với đặc thù của từng môn học, hoạt động giáo dục, góp phần tạo ra sự phát triển NL tự chủ và tự học. Tự học là một xu thế tất yếu, bởi vì quá trình giáo dục thực chất là quá trình biến người học từ khách thể giáo dục thành chủ thể giáo dục (tự giáo dục). Tự học là mục tiêu cơ bản của quá trình dạy học. Bồi dưỡng NL tự học là phương cách tốt nhất tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập. Tự học giúp cho HS có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định phẩm chất, NL và để cống hiến.

d) GV tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác

Đó là việc kết hợp giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm, phát huy nỗ lực của chính cá nhân trong hoạt động nhóm. Điều này giúp HS có điều kiện để hình thành, phát triển cả về NL tự chủ và tự học lẫn NL giao tiếp và hợp tác.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng khuyến khích HS cố gắng tự lực, vừa độc lập, vừa hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình tiếp cận, phát hiện và tìm tòi cái mới. Lớp học trở thành môi trường giao tiếp GV – HS và HS – HS nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung.

3.3.3. Vấn đề đánh giá kết quả học tập của HS

a) Định hướng đánh giá kết quả giáo dục trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí theo Chương trình GDPT năm 2018

Đánh giá kết quả giáo dục phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt về PC chủ yếu, NL chung, NL đặc thù môn Lịch sử và Địa lí được quy định trong Chương trình GDPT tổng thể và chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS. Cần lưu ý là các PC và NL này được hình thành, củng cố và phát triển theo lộ trình, nên trong khi đánh giá, cần xác định rõ HS đã/đang đứng ở đâu trong lộ trình đạt tới các kết quả đầu ra kì vọng, và GV cần phải hành động như thế nào để cải thiện thành tích học tập của HS. Như vậy, cần chú trọng cả đánh giá quá trình và đánh giá định kì, trong đó cần coi trọng việc đánh giá quá trình.

Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS, sự tiến bộ của HS để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS.

Về nội dung đánh giá, bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể.

Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên (ĐGTX), đánh giá định kì (ĐGĐK), trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về PC, NL và sự tiến bộ của HS.

Trong dạy học Lịch sử và Địa lí cấp THCS, đánh giá kết quả học tập của HS là hoạt động xem xét, so sánh mức độ đạt được của mỗi HS theo yêu cầu cần đạt của môn học đã đề ra, trên cơ sở đó, tìm ra giải pháp để đánh thức tiềm năng và khắc phục những hạn chế trong quá trình học tập của HS. Đánh giá là một bộ phận hợp thành quan trọng của quá trình dạy học môn Lịch sử và Địa lí, có

vai trò thu thập các thông tin về chất lượng học tập, phân loại HS, đồng thời tạo cơ sở để điều chỉnh việc dạy học, thúc đẩy quá trình học tập của HS. Mục đích của đánh giá trong môn Lịch sử và Địa lí là nhằm vào sự tiến bộ trong học tập của HS.

b) Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá PC, NL

Trong tài liệu đã bàn đến hai hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển PC và NL của HS phù hợp với thực tiễn giáo dục Việt Nam hiện nay là ĐGTX (đánh giá quá trình) và ĐGĐK (đánh giá kết quả). GV sẽ lựa chọn các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích, thời điểm và yêu cầu của từng hình thức đánh giá; Mỗi phương pháp cũng sẽ có những công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp (các công cụ này sẽ được trình bày cụ thể ở nội dung 3 của tài liệu). Mối quan hệ giữa hình thức, phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá được thể hiện như sau:

Bảng Mối quan hệ giữa hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
ĐGTX/ Đánh giá quá trình (Đánh giá vì học tập; Đánh giá là học tập)	Phương pháp hỏi – đáp.	Câu hỏi, bảng hỏi
	Phương pháp quan sát	Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo, bảng kiểm, rubric
	Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập	Bảng quan sát, câu hỏi vấn đáp, phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics,...)
	Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập	Bảng kiểm, thang đánh giá, phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics,...)
	Phương pháp kiểm tra viết	KWLH, câu trả lời ngắn, thẻ kiểm tra,...

<p>ĐGĐK/ Đánh giá tổng kết <i>(Đánh giá kết quả học tập)</i></p>	<p>Phương pháp kiểm tra viết Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập</p>	<p>Bài kiểm tra (câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm), bài luận, bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí, thang đo</p>
----------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

4. Giới thiệu chung về hệ thống tài liệu tham khảo hỗ trợ

- Sách giáo viên.
- Sách bài tập.
- Sách bổ trợ và sách tham khảo thiết yếu của môn học.
- Thiết bị dạy học bộ môn: Bộ TBDH Cánh Diều và hướng dẫn cách khai thác trong dạy học.
- Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử (SGK phiên bản điện tử, video minh họa tiết học, bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...).

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ

Bài 1. LỊCH SỬ LÀ GÌ? (2 tiết)

(TIẾT 1)

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.
- Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử.
- Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...).

2. Về năng lực

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện được sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi với GV.
- Nhận biết và phân biệt được các loại hình tư liệu lịch sử, giá trị của các nguồn tư liệu lịch sử trong việc tái hiện lại lịch sử; đánh giá được vai trò của môn Lịch sử trong cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Góp phần thêm yêu quê hương, đất nước.
- Có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ các nguồn sử liệu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Hình ảnh minh họa về các nguồn sử liệu (trong và ngoài SGK), phiếu học tập.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Xác định được vấn đề cần giải quyết liên quan đến bài học.

b) *Nội dung:* HS đưa ra ý kiến cá nhân về nội dung hai câu thơ trong phần mở đầu “Dân ta phải biết sử ta/ Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”. Hãy cho biết ý nghĩa của hai câu thơ trên.

c) *Sản phẩm:* Các ý kiến của HS về ý nghĩa của hai câu thơ trên.

d) *Tổ chức thực hiện:*

– **Bước 1:** GV yêu cầu HS đọc hai câu thơ trong SGK “Dân ta phải biết sử ta/Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” và nêu ý nghĩa của câu thơ.

– **Bước 2:** HS làm việc cá nhân, trao đổi với bạn nêu ý nghĩa của hai câu thơ trên.

– **Bước 3:** GV gọi một số HS phát biểu ý kiến.

– **Bước 4:** GV tổng hợp ý kiến của HS và kết nối vào bài học.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về lịch sử và môn Lịch sử là gì?

a) *Mục tiêu:* Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. Hiểu được lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ.

b) *Nội dung:* HS đọc thông tin trong SGK mục *Lịch sử và môn Lịch sử là gì?* và trao đổi với bạn để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

c) *Sản phẩm:* Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ; Khoa học lịch sử là khoa học tìm hiểu và dựng lại hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ; môn Lịch sử là môn học tìm hiểu và dựng lại những hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ.

d) *Tổ chức thực hiện:*

– **Bước 1:** GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: HS đọc thông tin, quan sát hình 1.2 trong SGK để trả lời câu hỏi: Em biết gì về Hai Bà Trưng? Việc tổ chức Lễ hội đền Hai Bà Trưng theo em nhằm mục đích gì? Sự kiện khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) có phải là lịch sử không? Vì sao?

Nhiệm vụ 2: GV giới thiệu về bản thân và đặt câu hỏi: Phần giới thiệu về bản thân thầy giúp cho các em biết thêm những điều gì về thầy?

Nhiệm vụ 3: Hãy giới thiệu về bản thân mình cho cả lớp cùng nghe qua việc sử dụng 5 tấm ảnh của bản thân ở những thời điểm khác nhau đã được chuẩn bị ở nhà.

Nhiệm vụ 4: Hãy giới thiệu về quê hương mình cho cả lớp cùng nghe qua việc sử dụng 5 tấm ảnh ở những thời điểm khác nhau đã được chuẩn bị ở nhà.

– **Bước 2:** HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** GV gọi một số HS báo cáo kết quả, một số HS khác nhận xét, bổ sung.

– **Bước 4:** GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt lại nội dung kiến thức và trao đổi với HS: Lịch sử và môn Lịch sử là gì? Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ (đó là lịch sử quốc gia – dân tộc, là lịch sử của mỗi cá nhân, cộng đồng,...); Khoa học lịch sử là khoa học nghiên cứu và dựng lại quá khứ; môn Lịch sử là môn học tìm hiểu và dựng lại những hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ.

2.2. Tìm hiểu về vì sao cần học lịch sử?

a) **Mục tiêu:** Giải thích được vì sao cần phải học môn Lịch sử.

b) **Nội dung:** HS đọc thông tin trong SGK mục vì sao cần học lịch sử? và trao đổi với bạn để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

c) **Sản phẩm:** Lí do cần học môn Lịch sử.

d) **Tổ chức thực hiện:**

– **Bước 1:** GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm (4 nhóm) để thực hiện các nhiệm vụ trả lời các câu hỏi:

Nhóm 1 + nhóm 2: Đọc thông tin, quan sát các hình từ 1.3 đến hình 1.6 trong SGK, hãy cho biết kỹ thuật canh tác nông nghiệp của nông dân Việt Nam và hệ thống giao thông ở Hà Nội có sự thay đổi như thế nào? Chúng ta cần biết sự thay đổi đó không? Vì sao?

Nhóm 3 + nhóm 4: Sự kiện hình 1.7 đánh dấu bước ngoặt nào của lịch sử nào của dân tộc Việt Nam? Qua đó lí giải vì sao chúng ta cần học lịch sử?

– **Bước 2:** Các nhóm thảo luận, trao đổi để thực hiện nhiệm vụ trả lời câu hỏi.

– **Bước 3:** GV gọi đại diện HS nhóm báo cáo kết quả, đại diện HS nhóm khác nhận xét.

– **Bước 4:** GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức: GV làm sáng tỏ về ý nghĩa của việc học lịch sử, tìm hiểu lịch sử (GV mở rộng kể về những câu chuyện để dẫn chứng cụ thể hơn về việc học lịch sử để ca ngợi điều tốt đẹp, phê phán điều chưa đúng,...).

NỘI DUNG HỌC TẬP

– Học lịch sử để biết cội nguồn của tổ tiên, quê hương đất nước; hiểu được tổ tiên, ông cha đã sống, lao động, đấu tranh như thế nào để có được đất nước như ngày nay.

– Học lịch sử còn giúp chúng ta hiểu được những gì nhân loại tạo ra trong quá khứ để xây dựng được xã hội văn minh ngày nay.

3. Hoạt động Luyện tập

a) *Mục tiêu:* HS củng cố được kiến thức liên quan đến bài học về khái niệm lịch sử và môn Lịch sử, giải thích được vì sao cần học Lịch sử.

b) *Nội dung:* HS trả lời câu 1 và câu 2 ở phần luyện tập trong SGK.

c) *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS về các câu hỏi trên.

d) *Tổ chức thực hiện:*

– **Bước 1:** GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân để trả lời các câu 1 và câu 2.

- **Bước 2:** HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ.
- **Bước 3:** GV gọi một số HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4:** GV củng cố và nhắc lại các yêu cầu cần đạt của bài học cho HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) *Mục tiêu:* Vận dụng, kết nối được kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết tình huống trong thực tiễn liên quan đến bài học.

b) *Nội dung:* HS trả lời câu hỏi số 4 ở phần vận dụng trong SGK để thực hiện.

c) *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

d) *Tổ chức thực hiện:*

– **Bước 1:** GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân trao đổi, thảo luận thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: Một bộ phận giới trẻ hiện nay cho rằng: Học lịch sử không có ý nghĩa gì với cuộc sống. Suy nghĩ của em về quan điểm trên.

Nhiệm vụ 2: HS nêu ý hiểu về câu nói của chính trị gia cổ đại Xi-xê-rông: “Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống”.

Nhiệm vụ 3: HS về nhà làm một tác phẩm gửi tương lai cho một người con/ cháu của mình với yêu cầu: tác phẩm thể hiện được sự thay đổi của bản thân qua thời gian, và trả lời được câu hỏi em đã dùng loại tư liệu nào để người đời sau biết về bản thân em.

– **Bước 2:** HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ 1, 2.

– **Bước 3:** GV gọi một số HS báo cáo kết quả, một số HS khác nhận xét, bổ sung.

– **Bước 4:** GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức.

C. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (Thời gian: 45 phút)

I. MỤC TIÊU

– Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS sau một giai đoạn học tập (giữa kì II), xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình GDPT môn Lịch Sử và Địa lí.

– Kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của HS để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục.

II. ĐẶC TẢ MA TRẬN

Đặc tả ma trận đề kiểm tra giữa kì II – phần Lịch sử 6

Nội dung / Mức độ	Yêu cầu về nhận thức			
	Mức 1 (Biết)	Mức 2 (Hiểu)	Mức 3 (Vận dụng thấp)	Mức 4 (Vận dụng cao)
1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng	Nêu được địa điểm bùng nổ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng	- Trình bày được chính sách cai trị của nhà Hán - Trình bày được nguyên nhân bùng nổ khởi nghĩa Hai Bà Trưng	Phân tích được nguyên nhân bùng nổ khởi nghĩa Hai Bà Trưng	

<i>Số câu: 3</i>	<i>TN: 1 câu</i>	<i>TN: 1 câu</i>	<i>TL: 1 câu</i>	
<i>Số điểm: 2</i>	<i>(0,5 điểm)</i>	<i>(0,5 điểm)</i>	<i>(1,0 điểm)</i>	
<i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>5%</i>	<i>5%</i>	<i>10%</i>	
2. Khởi nghĩa Lí Bí. Thành lập nước Vạn Xuân	Nêu được thời gian Lí Bí lên ngôi Hoàng đế			
<i>Số câu: 1</i>	<i>TN: 1 câu</i>			
<i>Số điểm: 0,5</i>	<i>Số điểm: 0,5</i>			
<i>Tỉ lệ: 5%</i>	<i>Tỉ lệ: 5%</i>			
3. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan, Phùng Hưng	Trình bày được những nét chính về Phùng Hưng	Nêu và phân tích được chính sách cai trị của nhà Đường đối với nước ta		
<i>Số câu: 2</i>	<i>TN: 1 câu</i>	<i>TN: 1 câu</i>		
<i>Số điểm: 1,0</i>	<i>Số điểm: 0,5</i>	<i>Số điểm: 0,5</i>		
<i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Tỉ lệ: 5%</i>	<i>Tỉ lệ: 5%</i>		
4. Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của Khúc Thừa Dụ	Nêu được thời gian Khúc Thừa Dụ được vua Đường phong là An Nam Tiết độ sứ	Trình bày được một số việc làm của Khúc Hạo trước khi nhà Nam Hán có ý định xâm lược nước ta		
<i>Số câu: 2</i>	<i>TN: 1 câu</i>	<i>TN: 1 câu</i>		
<i>Số điểm: 1,0</i>	<i>Số điểm: 0,5</i>	<i>Số điểm: 0,5</i>		

<i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Tỉ lệ: 5%</i>	<i>Tỉ lệ: 5%</i>		
5. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938	Trình bày được một số nét độc đáo trong diễn biến và kết quả của chiến thắng Bạch Đằng năm 938	Trình bày được kế sách đánh giặc của Ngô Quyền		
<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 2,5</i> <i>Tỉ lệ: 25%</i>	<i>TL: 1 câu</i> <i>Số điểm: 2,0</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>TN: 1 câu</i> <i>Số điểm: 0,5</i> <i>Tỉ lệ: 5%</i>		
6. Cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc				Nêu được những phong tục, tập quán của dân tộc vẫn được lưu giữ sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc
<i>TN: 1 câu</i> <i>Số điểm: 3,0</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>				<i>TL: 1 câu</i> <i>Số điểm: 3,0</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>
Tổng số câu: 11	<i>TN: 4 – TL: 1</i>	<i>Số câu: TN: 4 – TL: 0</i>	<i>Số câu: TN: 0 – TL: 1</i>	<i>Số câu: TN: 0 – TL: 1</i>

Câu 5. Chính sách cai trị về văn hoá của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với người Việt là

- A. đàn áp, khủng bố.
- B. thuế khoá nặng nề.
- C. công nạp sản vật quý.
- D. đồng hoá.

Câu 6. Khúc Thừa Dụ xưng Tiết độ sứ vào năm

- A. 905.
- B. 906.
- C. 907.
- D. 908.

Câu 7. Khúc Hạo đã làm gì để xây dựng đất nước?

- A. Xây dựng quân đội.
- B. Lập tuyến phòng thủ.
- C. Cầu hoà với nhà Nam Hán.
- D. Thực hiện nhiều chính sách cải cách tiến bộ.

Câu 8. Ngô Quyền đã có kế sách gì trước sự xâm lược của nhà Nam Hán?

- A. Tập trung lực lượng ở thành Đại La.
- B. Không cần chuẩn bị trước.
- C. Trước trừ nội phản, sau diệt ngoại xâm.
- D. Chủ động lên kế hoạch đánh quân Nam Hán ở sông Bạch Đằng.

PHẦN 2. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm). Vì sao cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ?

Câu 2 (2,0 điểm). Trình bày những nét độc đáo trong diễn biến và kết quả của trận đánh trên sông Bạch Đằng năm 938.

Câu 3 (3,0 điểm). Theo em, sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc, những phong tục, tập quán nào của người Việt còn tồn tại đến ngày nay? Em cần phải làm gì để gìn giữ và phát huy những phong tục, tập quán đó?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

I. Trắc nghiệm (4,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	B	A	D	A	D	D

II. Tự luận (6,0 điểm)

Câu	Ý	Nội dung	Biểu điểm
1 (1,0 điểm)		Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ vì: ách thống trị tàn bạo của nhà Hán, thái thú Tô Định giết chồng của Trưng Trắc.	1,0
2 (2,0 điểm)	1	- Diễn biến trận đánh trên sông Bạch Đằng năm 938: + Cuối năm 938, đoàn thuyền của quân Nam Hán do Lưu Hoảng Tháo chỉ huy tiến vào vùng biển nước ta. + Lúc này thủy triều dâng cao, quân ta như giặc vào trận địa cọc Bạch Đằng. + Khi nước triều rút, quân ta dốc toàn lực tấn công, quân Nam Hán rút chạy, thuyền xô vào cọc nhọn,... Lưu Hoảng Tháo bị giết tại trận.	0,5
			0,5
			0,5
	2	- Kết quả: Trận Bạch Đằng kết thúc thắng lợi, chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc.	0,5
3 (3,0 điểm)	1	- Sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc, phong tục, tập quán của người Việt vẫn còn tồn tại đến ngày nay: + Thờ cúng tổ tiên. + Chôn cất người chết. + Ăn trầu. + Gói bánh chưng, làm bánh giày,...	0,5
			0,5
			0,5
			0,5
	2	- HS liên hệ theo ý hiểu của bản thân.	1,0

MỤC LỤC

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở	3
1.1. Đặc điểm môn học	3
1.2. Mục tiêu Chương trình	3
1.3. Yêu cầu cần đạt	4
2. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 – bộ sách Cánh Diều	4
2.1. Một số thông tin chung	4
2.2. Cấu trúc sách	5
2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6	6
3. Giới thiệu về sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6	7
3.1. Những điểm mạnh của sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 (phần Lịch sử) .	7
3.2. Khung phân phối Chương trình môn Lịch sử và Địa lí 6 (phần Lịch sử) .	10
3.3. Yêu cầu về phương pháp dạy học	13
4. Giới thiệu chung về hệ thống tài liệu tham khảo hỗ trợ	24
B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ	25
C. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ	30

